

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Răng hàm mặt

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

2. Ngày tháng năm sinh: 18/12/1971 ; Nam ; Nữ ☒ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán: xã Sơn Thịnh, Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 32 phố Hàng Mành, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. Nguyễn Thị Hồng Minh – Khoa Nha chu

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

Số 40B phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913225158;

Địa chỉ E-mail: minhnguyenrh1812@gmail.com

Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 5/1999 đến nay: Bác sỹ Khoa Nha chu, Bệnh viện Răng hàm mặt TW Hà Nội

- Từ tháng 4/ 2017 đến nay: Trưởng Khoa Nha chu, Bệnh viện Răng hàm mặt TW Hà Nội

- Từ tháng 9/2020 đến nay: Giám đốc Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Răng hàm mặt TW Hà Nội

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa Nha chu, Giám đốc Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Răng hàm mặt TW Hà Nội

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Nha chu, Bệnh viện Răng hàm mặt TW HN

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

- Địa chỉ cơ quan: Số 40B phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 02466839460
- E-mail: [nc.rhmtw@gmail.com](mailto:nc.rhmtw@gmail.com) Fax:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục :

- + Viện Đào tạo Răng hàm mặt, Trường Đại học Y Hà Nội
- + Khoa Răng hàm mặt, Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

- + Trường Đại học Y Hà Nội
- + Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 9 năm 1994, ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ chuyên khoa sơ bộ Răng hàm mặt ; số văn bằng: A103995

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 5 năm 2002, ngành: Y học. chuyên ngành: Răng hàm mặt ; số văn bằng: A003628

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 09 tháng 4 năm 2011 ngành: Y học, chuyên ngành: Nha khoa; số văn bằng: 000647

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ...tháng ...năm ..., ngành: .....

11. Đăng ký xét tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐCDGS cơ sở:

Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Nghiên cứu thực trạng bệnh nha chu, mối liên quan với các yếu tố nguy cơ và với bệnh toàn thân.*

- *Nghiên cứu ứng dụng vật liệu sinh học, thuốc và các loại Laser trong điều trị bệnh nha chu và các bệnh Răng hàm mặt khác*



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**- Nha khoa cộng đồng: nghiên cứu thực trạng bệnh Răng hàm mặt và các yếu tố liên quan.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) .....01..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 09 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 03 đề tài cấp cơ sở Bệnh viện Răng hàm mặt TW Hà Nội, 02 đề tài cấp Bộ Y tế.
- Đã công bố (số lượng) 54 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02, trong đó 02 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2016
- Danh hiệu thầy thuốc ưu tú, năm 2017
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bộ Y tế năm 2019
- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Y tế năm 2014; 2015; 2016; 2017; 2019
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở - Bệnh viện Răng hàm mặt Trung Ương Hà Nội năm 2014; 2015; 2016; 2017; 2018; 2019; 2020, 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững Bệnh viện Răng hàm mặt cũng như của Viện Đào tạo Răng hàm mặt, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT             | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã Hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |       | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|
|                |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH   |                                                         |
| 1              | 2016-2017 |                           | 2   | 2                                  |                                         |                                           | 315   | 162/212,1/170                                           |
| 2              | 2017-2018 |                           | 2   | 3                                  |                                         |                                           | 539   | 285/363,4/170                                           |
| 3              | 2018-2019 |                           | 2   | 2                                  |                                         | 14                                        | 548   | 286,6/338/135                                           |
| 3 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                           |       |                                                         |
| 4              | 2019-2020 |                           | 1   | 1                                  |                                         | 12                                        | 284   | 168,7/187,7/135                                         |
| 5              | 2020-2021 |                           |     | 1                                  |                                         |                                           | 928,6 | 466,6/477,7/135                                         |
| 6              | 2021-2022 |                           |     | 1                                  |                                         |                                           | 641,5 | 371,1/421,1/135                                         |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐ ; tại nước: ; Từ năm..... đến năm:

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; Tại nước: .....



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ...

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Ngoại ngữ trình độ C do Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Ngữ cấp, số 824/ĐT ngày 22/01/1997.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                    | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                  |                                                       |
| 1  | Nguyễn Thanh Hương            |           | CK2           |                       | x   | 2013-2015                          | BV Răng hàm mặt TƯ -Trường ĐHYHN | 15/10/2016                                            |
| 2  | Dương thế Chung               |           | CH            |                       | X   | 2015-2016                          | Trường ĐHYHN                     | 25/01/2017                                            |
| 3  | Đỗ Thị Thu Hương              |           | BSNT          |                       | x   | 2014-2016                          | Trường ĐHYHN                     | 08/01/2018                                            |
| 4  | Vương Thị Tố Uyên             |           | BSNT          |                       | X   | 2015-2017                          | Trường ĐHYHN                     | 11/01/2018                                            |
| 5  | Đỗ Quốc Hương                 |           | CH            |                       | X   | 2017-2018                          | Trường ĐHYHN                     | 11/01/2018                                            |
| 6  | Nguyễn Thị Phương Trà         |           | CH            | X                     |     | 2017-2018                          | Trường ĐHYHN                     | 03/12/2018                                            |
| 7  | Hoàng Thị Thu Trang           |           | CH            |                       | X   | 2018-2019                          | Trường ĐHYHN                     | 16/12/2019                                            |
| 8  | Phạm Minh Tâm                 |           | CH            | X                     |     | 2019-2020                          | Trường ĐHYHN                     | 15/01/2021                                            |
| 9  | Ngô Thùy Linh                 |           | CH            | X                     |     | 2020-2021                          | Trường ĐHYHN                     | 28/2/2022                                             |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                       |     |  |  |   |           |                 |           |
|----|-----------------------|-----|--|--|---|-----------|-----------------|-----------|
| 10 | Đồng Thị Mai<br>Hương | NCS |  |  | X | 2015-2018 | Trường<br>ĐHYHN | 04/4/2022 |
|----|-----------------------|-----|--|--|---|-----------|-----------------|-----------|

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT                               | Tên sách                                                 | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất<br>bản và<br>năm xuất<br>bản       | Số tác<br>giả | Chủ biên                       | Phần biên<br>soạn (từ<br>trang ... đến<br>trang) | Xác nhận của<br>cơ sở GDĐH<br>(số văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách) |
|----------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------|---------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>Sau khi bảo vệ luận án TS</b> |                                                          |                                  |                                             |               |                                |                                                  |                                                                        |
| 1                                | Kiểm soát<br>bệnh viêm<br>quanh răng<br>phá hủy          | CK                               | Nhà xuất<br>bản Đại<br>học Quốc<br>gia 2022 | 01            | TS. Nguyễn<br>Thị Hồng<br>Minh | Chủ biên                                         | QĐ số 846/QĐ-<br>ĐHYD<br>Ngày<br>26/05/2022                            |
| 2                                | Lâm sàng<br>bệnh quanh<br>răng và<br>Implant nha<br>khoa | GT                               | Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam     | 09            | TS. Lê Long<br>Nghĩa           | 512-520                                          | QĐ số 3400<br>/QĐ-ĐHYHN<br>Ngày 27/8/2020                              |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 02 ([1], [2])

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                               | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                  | CN/PC N/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu/ Xếp loại KQ |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------|
| <i>Sau khi bảo vệ luận án TS</i> |                                                                                                                                                                 |            |                      |                     |                                   |
| 1                                | Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật công nghệ sinh học để xác định và phân loại các vi khuẩn gây bệnh trong bệnh viêm quanh răng. Ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị | Đồng CN    | Bộ Y tế              | 2008- 2010          | 30/6/2011<br>Xuất sắc             |
| 2                                | Đánh giá hiệu quả kháng thể IgY trong điều trị hỗ trợ viêm quanh răng                                                                                           | CN         | Bệnh viện RHMTWHN    | 2014-2015           | 05/5/2015<br>Đạt                  |
| 3                                | Đánh giá ảnh hưởng của Xylitol trên Vi khuẩn Streptococcus mutans trong nước bọt                                                                                | CN         | Bệnh viện RHMTWHN    | 2018-2019           | 13/6/2019<br>Đạt                  |
| 4                                | Nghiên cứu thực trạng sức khỏe răng miệng ở Việt nam năm 2015                                                                                                   | TK         | Bộ Y tế              | 2015-2018           | 08/01/2020<br>Đạt                 |
| 5                                | Nhận xét kết quả tái tạo mô quanh răng bằng dẫn xuất Protein khuôn men                                                                                          | CN         | Bệnh viện RHMTWHN    | 2020-2021           | 24/12/2021<br>Đạt                 |

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học đã công bố.

| TT | Tên bài báo | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Năm công bố |
|----|-------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|-------------|
|----|-------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|-------------|

| <b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b> |                                                                                                                                                                                                                    |   |   |                                                          |                               |  |                                                                                                         |      |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------|-------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1                                       | Mối liên quan giữa các vi khuẩn đặc hiệu với bệnh viêm quanh răng ở một nhóm người Việt Nam                                                                                                                        | 1 | x | Tạp chí Y học thực hành<br>1859-1663                     |                               |  | số<br>12/2009 ;<br>45-52                                                                                | 2009 |
| 2                                       | Sử dụng kháng sinh tại chỗ trong điều trị viêm quanh răng                                                                                                                                                          | 2 | X | Tạp chí thông tin Y Dược<br>0868-3891                    |                               |  | số<br>1/2010;<br>7-16                                                                                   | 2010 |
| <b>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>   |                                                                                                                                                                                                                    |   |   |                                                          |                               |  |                                                                                                         |      |
| <b>Các bài báo Quốc tế</b>              |                                                                                                                                                                                                                    |   |   |                                                          |                               |  |                                                                                                         |      |
| 3                                       | Evaluation of lozenges containing egg yolk antibody against Porphyromonas gingivalis gingipain as an adjunct to conventional non-surgery therapy in periodontitis patients: A randomized controlled clinical trial | 6 |   | Journal of Periodontology<br>ISSN: 1943-3670             | Scopus<br>(IF:3.18<br>0 Q1)   |  | Vol.89<br>(11);1334-1339<br>doi:<br>10.1002/JPER.18-0037                                                | 2018 |
| 4                                       | Analysis of Periodontal conditions in the Provinces of Vietnam: results from the National dental survey                                                                                                            | 5 | X | Asia Pacific Journal of Public health<br>ISSN: 1941-2479 | Scopus,<br>Q2<br>IF:<br>1,399 |  | 2022<br>Jan;34(1):<br>87-95.<br>doi:<br>10.1177/10105395211029803<br>. Epub<br>2021 Jul<br>20.<br>PMID: | 2022 |



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|                               |                                                                                                            |   |   |                                                                          |                        |  |                                              |      |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|--|----------------------------------------------|------|
|                               |                                                                                                            |   |   |                                                                          |                        |  | 34282632                                     |      |
| 5                             | Effect of Xylitol chewing gum on presence of Streptococcus mutans in saliva                                | 3 | X | Macedonian Journal of Medical Science<br>eISSN: 1857-9655                | Scopus, Q3<br>IF: 1.12 |  | Open access<br>Doi: 10.3889/oamjms.2021.6928 | 2021 |
| 6                             | Effect of Diode Laser in Non-surgical Periodontal treatment: A randomized controlled trial                 | 3 | X | Kobe Journal of Medical Science<br>0023-2513                             | Scopus, Q3<br>IF:0,92  |  | Accepted                                     | 2022 |
| 7                             | Our experience using 1064 nm Nd:YAG in palmoplantar warts                                                  | 4 |   | Journal of cosmetic and laser therapy                                    | Scopus Q2              |  | Doi: 10.1080/14764172                        | 2022 |
| <b>Các bài báo trong nước</b> |                                                                                                            |   |   |                                                                          |                        |  |                                              |      |
| 8                             | Đánh giá kết quả phương pháp phẫu thuật cắt lợi phì đại bằng Laser Diode                                   | 3 |   | Tạp chí y học thực hành<br>1859-1663                                     |                        |  | Số 12/2016; 114-117                          | 2016 |
| 9                             | Hiệu quả điều trị Viêm quanh răng mạn tính bằng dung dịch nano bạc RX Perioflush tại BV Răng Hàm Mặt TU HN | 4 |   | Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng.<br>0868-3735 |                        |  | Số 4/2017; 80-86                             | 2017 |
| 10                            | Đặc điểm lâm sàng viêm lợi của phụ nữ mang thai ở một số bệnh viện tại Hà Nội                              | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868                                      |                        |  | Tháng 10 – số 1/ 2018                        | 2018 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                                            |   |   |                                     |  |  |                                      |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------|--|--|--------------------------------------|------|
| 11 | Thực trạng bệnh quanh răng và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân người cao tuổi đến khám và điều trị tại Viện Lão khoa TƯ năm 2018-2019 | 4 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 10<br>Số<br>1/2018;<br>116-119 | 2018 |
| 12 | Tình trạng sâu răng sữa ở trẻ em Việt nam                                                                                                  | 2 | X | Tạp chí Y học dự phòng<br>0868-2836 |  |  | Tập 30<br>Số<br>1/2020;<br>123-129   | 2020 |
| 13 | Nhận xét tình trạng răng miệng của bệnh nhân trước phẫu thuật tim mạch                                                                     | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 4 –<br>số 2/<br>2020;<br>13-16 | 2020 |
| 14 | Thực trạng bệnh quanh răng và nhu cầu điều trị cho người cao tuổi tại Hà Nội năm 2015                                                      | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 5 –<br>số 1/<br>2020;<br>21-24 | 2020 |
| 15 | Kết quả điều trị nội nha răng hàm lớn hàm trên ở người cao tuổi sử dụng hệ thống Protaper máy                                              | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 5 –<br>số 1/<br>2020;<br>41-46 | 2020 |
| 16 | Tình trạng sâu răng vĩnh viễn ở trẻ em Việt Nam năm 2019                                                                                   | 2 | X | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 5 –<br>số 1/<br>2021;<br>34-39 | 2021 |
| 17 | Nghiên cứu hiệu quả làm giảm mảng bám răng của Xylitol                                                                                     | 2 | X | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 8–<br>số 2/<br>2020;<br>29-33  | 2020 |



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                         |   |   |                                          |  |  |                                            |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------|------|
| 18 | Hiệu quả điều trị phẫu thuật viêm quanh răng phá hủy thể toàn bộ bằng phương pháp phẫu thuật                            | 3 |   | Tạp chí Nghiên cứu y học<br>2354-080X    |  |  | Số 132, tháng 11 năm 2020; 55-68           | 2020 |
| 19 | Mô tả đặc điểm lâm sàng, Xquang và kết quả điều trị phẫu thuật viêm quanh răng mạn tính                                 | 3 |   | Tạp chí Nghiên cứu y học<br>2354-080X    |  |  | Tập 135, Số 11, tháng 12 năm 2020; 197-204 | 2020 |
| 20 | Đặc điểm lâm sàng, Xquang và kết quả điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới do chấn thương có sử dụng vít neo chặn | 3 |   | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 16 – số 3/2021; 86-93                  | 2021 |
| 21 | Đánh giá kết quả nhổ răng trên bệnh nhân trước phẫu thuật tim mạch                                                      | 3 | X | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 16 – số 3/2021; 93-99                  | 2021 |
| 22 | Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị nang ngày môi và nang nhái sàn miệng bằng phương pháp mở thông vi thể             | 5 |   | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 16 – số 5/2021; 91-98                  | 2021 |
| 23 | Tình trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan ở học sinh tiểu học tỉnh Vĩnh Phúc                                       | 3 |   | Tạp chí Y học dự phòng<br>0868-2836      |  |  | Tập 31, số 6/2021; 171-180                 | 2021 |
| 24 | Bệnh quanh răng ở người cao tuổi khám và điều trị tại Bệnh viện Thanh Nhàn                                              | 3 |   | Tạp chí Y dược học Bộ Y tế<br>2734-9209  |  |  | Số 23 tháng 6/2021;                        | 2021 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

|    |                                                                                                                                         |   |   |                                          |  |  |                                |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------|--|--|--------------------------------|------|
|    | năm 2019-2020                                                                                                                           |   |   |                                          |  |  | 100-104                        |      |
| 25 | Một số đặc điểm sọ mặt ở nhóm bệnh nhân phẫu thuật chỉnh hình mẩu tiền hàm điều trị vẩu hai hàm                                         | 4 |   | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 16 – số 6/2021;<br>112-121 | 2021 |
| 26 | Mối liên quan của các yếu tố nguy cơ với bệnh viêm quanh răng mạn tính                                                                  | 3 | X | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 6 – số 1/2021;<br>49-53  | 2021 |
| 27 | Đặc điểm lâm sàng viêm lợi và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân đeo mắc cài chỉnh nha                                              | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 9 – số 2/2021;<br>25-28  | 2021 |
| 28 | The dual toning technique of 1064nm Nd:YAG picosecond and quasi-long pulsed laser combined with D-pigment cream in treatment of malasma | 3 |   | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 16S. TA (2021);<br>49-56   | 2021 |
| 29 | Ảnh hưởng của một số yếu tố nguy cơ đối với tình trạng viêm quanh răng mạn tính                                                         | 3 | X | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 16, số 6/2021;<br>121-126  | 2021 |
| 30 | Kết quả điều trị u lợi ở phụ nữ mang thai                                                                                               | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 10, số 1/202;<br>1-5     | 2021 |
| 31 | Đặc điểm lâm sàng của nang nhầy tuyến nước bọt phụ                                                                                      | 4 |   | Tạp chí Y dược lâm sàng 108              |  |  | Tập 16, số 7/2021;             | 2021 |



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                            |   |   |                                          |  |  |                                 |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------|--|--|---------------------------------|------|
|    |                                                                                                                            |   |   | 1859-2872                                |  |  | 70-75                           |      |
| 32 | Đặc điểm vi khuẩn trong bệnh viêm quanh răng phá hủy thể toàn bộ                                                           | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 1 – số 1/2022;<br>121-127 | 2022 |
| 33 | Kết quả điều trị hỗ trợ viêm quanh răng không phẫu thuật của gel metronidazol                                              | 3 | X | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 17, số 1/2022;<br>145-152   | 2022 |
| 34 | Tình trạng mất răng và nhu cầu điều trị phục hình ở người cao tuổi tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108 năm 2020          | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 3, số 1/2022;<br>16-19    | 2022 |
| 35 | Đặc điểm lâm sàng viêm quanh răng của bệnh nhân tới khám tại Bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội                                  | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 3, số 2/2022;<br>4-7      | 2022 |
| 36 | Hiệu quả can thiệp kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh răng miệng ở người cao tuổi tại huyện Gia Lộc- Hải Dương năm 2020 | 3 | X | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 4, số 1/2022;<br>25-28    | 2022 |
| 37 | Tình trạng viêm lợi ở bệnh nhân xơ gan điều trị tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108 năm 2019                             | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 4, số 1/2022;<br>8-11     | 2022 |
| 38 | Kết quả phục hồi tổn thương mòn cổ răng sử dụng vật liệu Glass Ionomer Cement (GIC) Fuji II                                | 3 | X | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 4, số 2/2022;<br>21-25    | 2022 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                 |   |   |                                          |  |  |                                      |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------|--|--|--------------------------------------|------|
|    | LC                                                                                                              |   |   |                                          |  |  |                                      |      |
| 39 | Thực trạng chăm sóc bệnh nhi sau chích rạch áp xe vùng hàm mặt tại Bệnh viện Nhi TƯ năm 2021                    | 3 |   | Tạp chí Y dược LS<br>108<br>1859-2872    |  |  | Tập 17<br>Số<br>3/2022;<br>136-144   | 2022 |
| 40 | Nghiên cứu hình thái thân răng cửa giữa hàm trên của sinh viên Khoa Y dược, ĐH Kinh doanh Công nghệ HN năm 2020 | 3 |   | Tạp chí Y dược LS<br>108<br>1859-2872    |  |  | Tập 17<br>Số<br>3/2022;<br>116-121   | 2022 |
| 41 | Đặc điểm sâu mặt bên răng hàm sữa ở trẻ em 5-8 tuổi tại Bệnh viện Nhi TƯ năm 2020                               | 3 | X | Tạp chí Y dược LS<br>108<br>1859-2872    |  |  | Tập 17<br>Số<br>3/2022;<br>72-76     | 2022 |
| 42 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân có răng thừa đến khám tại Bệnh viện Bãi Cháy, Quảng Ninh          | 3 | X | Tạp chí Y dược LS<br>108<br>1859-2872    |  |  | Tập 17<br>Số<br>3/2022;<br>60-65     | 2022 |
| 43 | Thực trạng bệnh sâu răng, viêm lợi ở học sinh tiểu học tỉnh Nam Định năm 2019                                   | 3 | X | Tạp chí Y học Việt nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 4,<br>số<br>2/2022;<br>29-32   | 2022 |
| 44 | Khảo sát tình trạng nhiễm Fuor răng ở trẻ em Việt nam năm 2019                                                  | 3 | X | Tạp chí Y học Việt nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 5,<br>số<br>1/2022;<br>23-27   | 2022 |
| 45 | Thực trạng viêm nha chu mạn tính của bệnh nhân tới khám lần đầu tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội    | 3 | X | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 17,<br>số<br>4/2022;<br>120 -125 | 2022 |



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                        |   |   |                                          |  |  |                                                                                                                                                |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | năm 2018-2019                                                                                          |   |   |                                          |  |  |                                                                                                                                                |      |
| 46 | Đặc điểm lâm sàng viêm lợi và kết quả điều trị trên bệnh nhân đeo mắc cài chỉnh nha                    | 3 | X | Tạp chí Y dược lâm sàng 108<br>1859-2872 |  |  | Tập 17,<br>số<br>4/2022;<br>107-114                                                                                                            | 2022 |
| 47 | The effectiveness of guided tissue regeneration in treatment of periodontal defects in mandible molars | 2 | X | Tạp chí Nghiên cứu y học<br>2354-080X    |  |  | Số<br>6/2022<br>(online);<br>169-175<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.52852/tencyh.v15i6.887">https://doi.org/10.52852/tencyh.v15i6.887</a> | 2022 |
| 48 | Đặc điểm lâm sàng phì đại lợi ở một nhóm người Việt Nam                                                | 2 | X | Tạp chí Y học cộng đồng<br>2354-0613     |  |  | Tập 63,<br>Số<br>3/2022;<br>99-106                                                                                                             | 2022 |
| 49 | Một số yếu tố liên quan với phì đại lợi ở một nhóm người Việt nam                                      | 1 | X | Tạp chí Y học Việt Nam<br>1859-1868      |  |  | Tháng 5,<br>số<br>2/2022;<br>13-16                                                                                                             | 2022 |
| 50 | Khảo sát độ tập trung Fluor trong các nguồn nước ăn ở Việt Nam năm 2019                                | 2 | X | Tạp chí Y học dự phòng<br>0868-2836      |  |  | Tập 32,<br>số<br>3/2022;<br>23-28                                                                                                              | 2022 |
| 51 | Đánh giá kết quả điều trị nang nhày tuyến nước bọt bằng Laser CO <sub>2</sub>                          | 3 |   | Tạp chí Y dược LS<br>108<br>1859-2872    |  |  | Tập 17,<br>số<br>4/2022;<br>114-120                                                                                                            | 2022 |
| 52 | Đánh giá hiệu quả điều trị sẹo lõm do                                                                  | 3 |   | Tạp chí Y học Việt                       |  |  | Tháng 6<br>Số                                                                                                                                  | 2022 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                     |   |   |                                     |  |  |                                   |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------|--|--|-----------------------------------|------|
|    | trứng cá bằng Laser CO <sub>2</sub> vi điểm và Laser CO <sub>2</sub> vi điểm kết hợp tiêm huyết tương giàu tiểu cầu |   |   | nam<br>1859-1868                    |  |  | 2/2022;<br>25-29                  |      |
| 53 | Sự thay đổi trên phim sọ nghiêng của mô cứng và mô mềm sau phẫu thuật chỉnh hình mấu tiền hàm điều trị vầu hai hàm  | 3 |   | Tạp chí Y học Việt nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 6<br>Số<br>2/2022;<br>5-9   | 2022 |
| 54 | Kết quả điều trị tái sinh mô quanh răng sử dụng Emdogain                                                            | 3 | X | Tạp chí Y học Việt nam<br>1859-1868 |  |  | Tháng 6<br>Số<br>2/2022;<br>43-46 | 2022 |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **02 bài (số thứ tự 4, 5)**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1  |                                                |                 |                    |                             |            |
| 2  |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ...

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế : không

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:



| TT | Chương trình<br>đào tạo,<br>chương trình<br>nghiên cứu<br>ứng dụng<br>KHCN | Vai trò<br>UV (Chủ<br>trì/ Tham<br>gia) | Văn bản<br>giao nhiệm<br>vụ (số, ngày,<br>tháng, năm) | Cơ quan<br>thẩm định,<br>đưa vào sử<br>dụng | Văn bản đưa<br>vào áp dụng<br>thực tế | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 1  |                                                                            |                                         |                                                       |                                             |                                       |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Sách chuyên khảo: **Kiểm soát bệnh viêm quanh răng phá hủy** Nhà xuất bản Đại học Quốc gia năm 2022. Quyết định số 846/QĐ-ĐHYD ngày 26/05/2022

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

**Người đăng ký**



**Nguyễn Thị Hồng Minh**